

*

Cao Bằng, ngày 20 tháng 12 năm 2023

**ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 16**

Hệ đào tạo: Không tập trung

Thời gian học từ ngày 10/11/2022 đến ngày 20/12/2023

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
1	Chu Văn Bộ	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
2	Trần Văn Bốn	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
3	Nông Đình Chiều	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
4	Hoàng Văn Đông	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
5	Đàm Văn Đức	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
6	Hoàng Thị Dung	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
7	Hoàng Thị Dung	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
8	Phạm Thị Dung	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
9	Nông Dũng Hà	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
10	Lương Thị Hạ	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
11	Nguyễn Thị Hằng	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
12	Đàm Thị Hạnh	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
13	Đường Thị Hạnh	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
14	Nông Thị Hạnh	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
15	Nông Thị Hậu	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
16	Đàm Thu Hiền	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
17	Sầm Hoàng Hiền	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
18	Đàm Văn Hiệp	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
19	Lã Thị Hiếu	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
20	Hoàng Thị Hòa	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
21	Triệu Thị Hòa	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
22	Nông Thị Huệ	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
23	Lương Thị Minh Huệ	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
24	Đàm Mạnh Hùng	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
25	Hoàng Văn Hữu	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt



R

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
26	Hoàng Thị Huyền	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
27	Mạc Thị Thanh Huyền	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
28	Nông Thị Huyền	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
29	Nông Thị Thu Huyền	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
30	Lý Văn Khánh	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
31	Nguyễn Tuấn Kiên	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
32	Dương Thị Lâm	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
33	Bé Thanh Lịch	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
34	Hà Thị Liễu	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
35	Hà Thị Lựu	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
36	Lương Thị Luyến	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
37	Hà Thị Mai	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
38	Trần Thị Mai	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
39	Triệu Thị Nga	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
40	Quách Trọng Nghĩa	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
41	Nông Văn Nguyễn	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
42	Hoàng Thị Nhậm	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
43	Đinh Thị Như Quỳnh	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
44	Vi Thị Hồng Thi	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
45	Hà Thị Thu	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
46	Đào Minh Thuận	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
47	Tô Thị Thuận	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
48	Hoàng Văn Thuật	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
49	Hoàng Thị Biên Thùy	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
50	La Văn Tiến	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
51	Hoàng Thị Trang	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
52	Phan Thị Trang	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
53	Vương Văn Trung	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
54	Hoàng Văn Tuệ	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
55	Hà Thị Tươi	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
56	Nông Thị Uyên	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
57	Đàm Trọng Vĩnh	4,0	3,50	1,50	9,00	Tốt
58	Mã Thị Yến	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
59	Hoàng Thị Ngân	4,0	3,50	1,00	8,50	Tốt
60	Vy Thị Nha	4,1	3,51	1,01	8,51	Tốt

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nông Văn Dũng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa

